

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Quang Minh;
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 530/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn T, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 01/8/2017, đơn xin thay đổi đơn khởi kiện ngày 07/8/2017, bản tự khai ngày 01/8/2017, biên bản hòa giải ngày 12/9/2017 và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn (bà Trần Thị Ngọc H) thể hiện:**

Bà H và ông T chung sống với nhau năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào ngày 09/01/2012.

Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, ông T đánh đập thường xuyên xảy nên vợ chồng xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng. Hiện hai vợ chồng không sống chung từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay nên bà H quyết định làm đơn ly hôn với ông T.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Bùi Việt T1, sinh ngày 02/8/2012. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

*** Về phía bị đơn (ông Bùi Văn T):** Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông T tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn. Quá trình xác minh, bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương và vẫn đang sinh sống tại địa phương.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:** Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Tại phiên tòa, phía bị đơn ông T vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc vắng mặt của bị đơn là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc H đối với ông Bùi Văn T; giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà H và bị đơn ông T chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào ngày 09/01/2012. Hôn nhân giữa bà H với ông T là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn,

luôn bất đồng trong quan điểm, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện hai vợ chồng không sống chung từ tháng 5 năm 2017 đến nay. Vì vậy, nguyên đơn làm đơn xin ly hôn với bị đơn. Tòa án đã tiến hành hoà giải và tạo điều kiện cho hai bên một thời gian để hàn gắn tình cảm, nhưng nguyên đơn kiên quyết ly hôn. Bị đơn không tham gia giải quyết, xét xử mặc dù Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục luật định nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, có cơ sở xác định ông T không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, thời gian hai vợ chồng không sống chung từ tháng 5 năm 2017 đến nay hai bên đã không còn mối quan hệ tình cảm gia đình, quan hệ kinh tế, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Bùi Việt T1, sinh ngày 02/8/2012. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu T1 đang sống chung với bà H nên để tránh làm đảo lộn đời sống của cháu nên tiếp tục giao cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc H với ông Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Việt T1, sinh ngày 02/8/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc H chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0005641 ngày 01 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/3/2018).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân Nam